

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2013/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2013

THÔNG TƯ**Hướng dẫn thực hiện quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ, quản lý tài chính của nhiệm vụ khoa học công nghệ và công tác tổ chức cán bộ của các tổ chức khoa học công nghệ công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học công nghệ công lập và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 104/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ, quản lý tài chính của nhiệm vụ KHCN và công tác tổ chức cán bộ của các tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn thực hiện quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ (sau đây viết tắt là KHCN), quản lý tài chính của nhiệm vụ KHCN và công tác tổ chức cán bộ của các tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các nhiệm vụ KHCN thực hiện theo Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHCN ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện một số điều Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm đặt hàng một số sản phẩm KHCN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bao gồm các Viện xếp hạng đặc biệt, các Viện khác trực thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Chương II

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 3. Xác định nhiệm vụ KHCN

Tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ lựa chọn, tổng hợp danh mục các nhiệm vụ KHCN do các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý đề xuất và gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để tổ chức lấy ý kiến xác định nhiệm vụ KHCN và trình Bộ phê duyệt.

Điều 4. Kiểm tra nhiệm vụ KHCN

1. Đối với các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ do Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quản lý: Vụ chủ trì, phối hợp với tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ tổ chức kiểm tra định kỳ (hoặc đột xuất nếu cần thiết) theo quy định hiện hành.

2. Đối với các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ do Tổng cục quản lý: Tổng cục chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ tổ chức kiểm tra định kỳ (hoặc đột xuất nếu cần thiết) theo quy định hiện hành.

3. Đối với nhiệm vụ đặc thù: Thủ trưởng các tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ tổ chức kiểm tra định kỳ (hoặc đột xuất nếu cần thiết) và báo cáo kết quả về Bộ theo quy định hiện hành.

Điều 5. Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KHCN

1. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Bộ do Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quản lý: Tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở và gửi hồ sơ về Vụ để đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ.

2. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Bộ do Tổng cục quản lý:

a) Tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở và gửi hồ sơ về Tổng cục để đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ;

b) Tổng cục báo cáo kết quả nghiệm thu nhiệm vụ KHCN về Bộ theo quy định hiện hành.

3. Đối với các nhiệm vụ đặc thù: Thủ trưởng các tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ tổ chức đánh giá, nghiệm thu và báo cáo Bộ theo quy định hiện hành.

Điều 6. Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án có sản phẩm trí tuệ (giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, quy trình công nghệ, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, phát minh sáng chế) phải đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ và phải đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được công nhận là tiến bộ kỹ thuật mới.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án chỉ được quyền chuyển giao, chuyển nhượng giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, quy trình công nghệ, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, phát minh sáng chế cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sau khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là tiến bộ kỹ thuật mới bằng văn bản.

3. Tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ được quyền phân chia sử dụng số tiền thu được trong việc chuyển giao công nghệ theo Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương III QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Điều 7. Xây dựng dự toán

1. Các nhiệm vụ KHCN phải được lập dự toán kinh phí theo biểu mẫu thống nhất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, trong đó dự toán của các nhiệm vụ KHCN phải được lập theo từng nội dung công việc và phân thành 2 loại: kinh phí khoán chi và kinh phí không khoán chi, được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 của liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 93).

2. Nội dung chi, định mức chi phải thực hiện theo các quy định hiện hành. Trên cơ sở các nội dung của Thuyết minh nhiệm vụ, Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN xác định các hoạt động phù hợp gắn với từng nội dung dự toán và theo quy định tại Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2007 của liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 44).

3. Đối với các lĩnh vực, công việc chưa có định mức chi được cấp có thẩm quyền ban hành, các tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ xây dựng định mức chi tạm thời, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt làm cơ sở xây dựng dự toán và thực hiện khoán chi.

4. Đơn giá tính dự toán, ngoài việc áp dụng định mức chi và đơn giá quy định tại các Thông tư của các Bộ, thống nhất một số mức chi như sau:

a) Đơn giá công lao động:

- Công lao động kỹ thuật được tính tối đa bằng tiền lương và các khoản phải đóng góp theo lương của 01 cán bộ khoa học ở bậc lương bình quân với hệ số là 3,66. Công lao động kỹ thuật chỉ được tính cho số lao động hợp đồng tham gia thực hiện đề tài, dự án. Đối với cán bộ khoa học trong biên chế, hưởng lương của các tổ chức KHCN công lập nếu phải thực hiện các công việc của đề tài, dự án ngoài giờ thì được tính công ngoài giờ theo quy định;

- Đối với công lao động phổ thông, Thủ trưởng tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án căn cứ giá cả thị trường ở từng khu vực phù hợp với từng thời điểm lập dự toán để xác định, mức chi tối đa bằng 80% công lao động kỹ thuật;

- Đối với các công việc phải thuê chuyên gia trong nước áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2010/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 6 năm 2010 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về quy định tiền lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện gói thầu tư vấn và áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước;

- Trường hợp cần thuê chuyên gia nước ngoài thì căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ và khả năng kinh phí, thủ trưởng tổ chức KHCN công lập quyết định hoặc phân cấp quyết định mức chi theo hợp đồng thực tế thỏa thuận với chuyên gia đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

b) Áp dụng hình thức “chuyên đề”:

- Đơn vị thực hiện đề tài, dự án chịu trách nhiệm xây dựng đề cương, giao nhiệm vụ, nghiệm thu nội dung, thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí của chuyên đề;

- Đối với nhiệm vụ KHCN đặc thù, Thủ trưởng tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ thẩm định và phê duyệt số lượng, loại chuyên đề và kinh phí cho các chuyên đề đảm bảo không vượt mức trần theo quy định tại Thông tư số 44; Đối với nhiệm vụ cấp Bộ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thẩm định số lượng và loại chuyên đề, Vụ Tài chính thẩm định kinh phí chuyên đề và trình Bộ phê duyệt tổng thể.

c) Đối với các loại vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì giá này là cơ sở để lập dự toán; trường hợp không có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành, chủ trì đề tài, dự án căn cứ báo giá trên thị trường ở thời điểm lập dự toán để xác định đơn giá và báo cáo thủ trưởng trực tiếp phê duyệt.

5. Dự toán chi đoàn ra, đoàn vào, tổ chức hội nghị, hội thảo thực hiện theo hướng dẫn tại các quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền và theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Thủ trưởng tổ chức KHCN công lập trực thuộc Bộ phê duyệt chi tiết dự toán chi đoàn ra, đoàn vào, tổ chức hội nghị, hội thảo của các đơn vị trực thuộc đảm bảo không vượt mức trần đã được phê duyệt tại Thuyết minh tổng thể.

6. Dự toán các nội dung có tính chất đầu tư:

a) Nội dung có tính chất đầu tư bao gồm: sửa chữa hạ tầng cơ sở, mua sắm máy móc thiết bị (hình thành tài sản cố định) và thuê tài sản phục vụ trực tiếp thực hiện đề tài, dự án;

b) Trong một số trường hợp cần thiết, Vụ Khoa học, công nghệ và Môi trường phối hợp với Vụ Tài chính xem xét trình Bộ chấp thuận chi phí thuê tài sản, cơ sở hạ tầng; Trường hợp không có tổ chức cho thuê, Vụ Khoa học, công nghệ và Môi trường phối hợp với Vụ Tài chính xem xét trình Bộ chấp thuận mua sắm, sửa chữa.

7. Các nội dung, mức chi quy định tại Điều này là căn cứ xây dựng dự toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án. Dự toán kinh phí và phân bổ kinh phí được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt là mức tối đa để thực hiện đề tài, dự án.

8. Đối với các nhiệm vụ nghiên cứu KHCN thực hiện trong các khuôn khổ dự án ODA, NGO: đơn giá, định mức chi theo định mức quy định của nhà tài trợ.

Điều 8. Thẩm định và phê duyệt thuyết minh, dự toán

1. Đối với các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ:

a) Đối với các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ do Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quản lý: Trên cơ sở thuyết minh, dự toán tổng thể đã được Tổ chức KHCN trực thuộc Bộ xây dựng, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp